

SỞ GD & ĐT LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT NGUYỄN BÌNH KHIÊM

PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026

Áp Dụng Từ tuần 01 (08/9/2025)

(Kèm theo Quyết định số 143/QĐ-NBK ngày 03 tháng 9 năm 2025)

TT	HỌ VÀ TÊN GIÁO VIÊN	KÝ HIỆU	PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY	CHỦ ĐỀ	TỔNG SỐ TIẾT DẠY	KIỂM NHIỆM	CHỦ NHIỆM	SỐ TIẾT HKI		Dự kiến HKII		Tổng số tiết Dư thiếu cả năm
								Tổng	Dư, thiếu/tuần	Tổng	Thêm/giảm	
TỔ CHUYÊN MÔN: TOÁN - TIN												
1	BÙI VĂN TIỆN	ĐP1	GDĐP: 11_CDD5_8 tiết (7 tiết học + 1 kiểm tra giữa HKII) x 9 lớp = 72 tiết/năm		2	HT		17	GDĐP: 11_CDD5_8 tiết (7 tiết học + 1 kiểm tra giữa HKII) x 9 lớp = 72 tiết/năm		0	
2	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	T1	Toán: 12A2,8; 10A1,8.	Toán: 12A2,8; 10A1,8	16	TTCM		19	2	15	Giảm 10A8	0
3	DƯƠNG THANH HẢI	T2	Toán: 12A1,6; 11A9	Toán: 12A1,6; 11A8,9	13		12A1	17	0	17		
4	LÔ VĂN KHOA	T3	Toán: 12A3,7; 11A2	Toán: 12A3,7; 11A2,3	13		11A2	17	0	17		
5	NGUYỄN THỊ BÍCH HỒNG	T4	Toán: 12A4,5; 10A9	Toán: 12A4,5; 10A9	12		10A9	16	-1	16	Cân đối tiết phụ đạo theo quy định	35
6	NGUYỄN VĂN VIÊN	T5 HN3	Toán: 10A2,3; H. Nghiệp: 10A4,9	Toán: 10A3	11		10A3	15	0	19	Thêm 10A8	0
7	LÊ THỊ THẢO HUYỀN	T6	Toán: 11A3,4,5,8	Toán: 11A5	13		11A5	17	1	17		0
8	HỒ THỊ HOA MAI	T7	Toán: 11A1,6,7	Toán: 11A1,4,6,7	13		11A6	17	0	17		
9	NGUYỄN PHƯƠNG HIẾU	T8	Toán: 10A4,5,6,7	Toán: 10A2,4,5,6,7	17			17	0	17		0
10	HOÀNG THỊ BẠCH TUYẾT	TH1	Tin: 12A1,2,7,8,9; 10A1,2,8,9		18	TP		19	2	19		
11	DƯƠNG TRỌNG CẢNH	TH2	Tin: 12A3,4,5,6; 11A3,4,5,6; 10A4,5		20			20	3	20		
12	TRẦN THỊ OANH	T9 TH3	Toán 12A9; Tin: 10A3,6,7; 11A1,2,7,8,9,	Toán 12A9	20			20	3	20		
TỔ CHUYÊN MÔN: LÝ - CÔNG NGHỆ												
13	NGUYỄN THỊ PHÚC DIỄM	L1 HN1	Lý: 12A1; 10A1,2; H.Nghiệp: 10A1,2,3.	Lý: 12A1; 10A1,2	15	TTCM		18	1	16	Giảm HN 10A3	5
14	LÊ THỊ THÙY NGÀ	L2 HN2	Lý: 12A4; 11A1,2; H.Nghiệp: 10A7,8.	Lý: 12A4; 11A1,2;	13	TKHD	11A1	19	2	14	Giảm: 11A2; HN 10A7 Cân đối tiết với cô Diễm	-5
15	HUỲNH THỊ NHƯ NGỌC	L3 DP3	Lý: 12A2; 10A3,4; (72_68) GDĐP: 11A1-A9 (CD2,4_12 (11 tiết học, 01 ktra cuối HKI) tiết x 9 lớp = 108. Dạy từ tuần 8 đến tuần 19)	Lý: 12A2; 10A3,4;	13		10A4	16	0	16	Cân đối tiết trong tổ và phụ đạo	-32

TT	HỌ VÀ TÊN GIÁO VIÊN	KỶ HIỆU	PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY	CHỦ ĐỀ	TỔNG SỐ TIẾT DẠY	KIỂM NHIỆM	CHỦ NHIỆM	SỐ TIẾT HKI		Dự kiến HKII		Tổng số tiết Dư thiếu cả năm
								Tổng	Dư, thiếu/tuần	Tổng	Thêm/giảm	
16	NGUYỄN THỊ THẢO TUYÊN		Nghỉ hậu sản (04/8/2025 - 03/02/2026)_tuần 21 đi dạy lại (14 tiết x 15 tuần= 210 tiết)							14	Lý: 11A2,4 HN: 10A3,6,7; Cân đối tiết phụ đạo theo quy định	-30
17	PHẠM QUỲNH ANH THỨ	L5 ĐP5	Lý: 12A3; 11A3,4; (108_102) GDDP:10A1-A9 (CĐ1,2_12 tiết (10 tiết học, 01 tiết ktra giữa HKI, 1 ktra cuối HKI) x 9 lớp =108. Dạy từ tuần 9 đến tuần 20)	Lý 12A3; 11A3,4	15		12A3	19	2	16	Giám lý: 11A4 Thêm GDDP:10A1-A9_CĐ5_9 tiết (07 tiết học+1 ktra giữa HKII, 1 ktra cuối HKII) x 9 lớp =81. Dạy từ tuần 27 đến tuần 35)	4
18	TRẦN KIM QUỐC TUẦN	CN1 HN4	Công nghệ: 12A5,6,7,8,9; HN: 10A5,6		14		10A5	18	4	14	Giám HN: 10A6	4
TỔ CHUYÊN MÔN: SINH - HÓA - THỂ CHẤT - QP&AN												
19	PHẠM THỊ TÓ NGÀ	SH1 NN1	Sinh: 12A1,2, 11A2,4; 10A1,2; N.Nghiep: 10A5		14	TTCM		17	0	17		0
20	ĐỖ THỊ QUỲNH NHI	SH2 NN2	Sinh: 12A3,4; 11A1,3; N. Nghệp: 11A5,6,7		14		11A3	18	1	16	Giám NN: 11A5	0
21	PHẠM THÚY VŨ	SH3 NN3	Sinh: 10A3,4; N. Nghiep 10A6,7,8,9; 11A8,9;		16			16	-1	18	Thêm NN: 11A5	0
22	NGUYỄN THỊ XUÂN TRINH	H1	Hóa: 12A3,4; 11A4; 10A1; Phụ trách phòng THPTN_1 tiết.	12A4; 11A3,4; 10A1	13		11A4	17	0	17		0
23	ĐINH TIẾN KHOA	H2	Hóa: 12A1 (Thỉnh giảng)	12A1,3	3			3		0		
24	NGUYỄN THÀNH TRUNG	H3 ĐP2	Hóa: 12A2; 11A1,2; Phụ trách phòng THPTN_2 tiết.	12A2; 11A1,2	11		12A2	15	-4	16,7	GDDP: 10A7_9_CĐ4_6 tiết x 3 lớp = 18 tiết. Dạy từ tuần 21 đến hết tuần 26; GDDP: 12_CĐ1_5 tiết x 9 lớp = 45. Học từ tuần 23 đến hết tuần 27	-7
25	BÙI PHAN THỊ NGÂN GIANG	H4 ĐP10	Hóa: 10A2,3,4; 11A3	10A2,3,4; 11A3	12		10A2	16	-1	18	GDDP: 10A1_6_CĐ4_6 tiết x 6 lớp = 36 tiết. Dạy từ tuần 21 đến hết tuần 26	1
26	ĐÀO VIỆT HÙNG	TD1	Thể chất: 12A1,2,3,4; 11A5,6,9; 10A3,4		18	TP		19	2	19		70
27	NGUYỄN NGỌC HẢI	TD2	Thể chất: 12A5,6,7,8,9; 11A1,2; 10A5		16			16	-1	18	Thêm 11A3	0
28	NGUYỄN TRÀ	TD3	Thể chất: 11A3,4; 10A6,7,8,9		12	PBT		19	2	17	Giám 11A3	35
29	DƯƠNG VĂN THÀNH	TD4	Thể chất: 10A1,2; 11A7,8	thỉnh giảng	8					0		0

TT	HỌ VÀ TÊN GIÁO VIÊN	KỶ HIỆU	PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY	CHỦ ĐỀ	TỔNG SỐ TIẾT DẠY	KIỂM NHIỆM	CHỦ NHIỆM	SỐ TIẾT HKI		Dự kiến HKII		Tổng số tiết Dư thiếu cả năm
								Tổng	Dư, thiếu/tuần	Tổng	Thêm/giảm	
30	NGUYỄN HOÀNG DÂN	QP1 ĐP4	Q. Phòng: 10A6,7,8,9; 11A1,2,3,4,5; 12A1,2,3,4,5 GDĐP: 3TIẾT (54_51 tiết)		14			14	-3	18,72	ĐP: 12A1-A9_CD4_9 tiết (7 tiết học, 1 tiết kiểm tra giữa HKII, 1 tiết kiểm tra cuối HKII) x 9 = 81 tiết. Học từ tuần 28 đến hết tuần 35; Cân đối một số nhiệm vụ khác theo quy định	-24
31	LÊ QUANG TUYẾN	QP2 ĐP7	Q. Phòng: 10A1,2,3,4,5; 11A6,7,8,9; 12A6,7,8,9; 4 TIẾT (72_68 tiết) GDĐP: 12_CD3,5_13 tiết (12 tiết học, 01 tiết ktra cuối HKI) x 9 lớp =117 tiết. Dạy từ tuần 9 đến tuần 22.		17			17	-4	17	Cân đối tiết Hướng nghiệp ở nhóm Văn (dù 23 tiết)	0

TỔ CHUYÊN MÔN: TIẾNG ANH

32	VŨ THỊ YẾN VÂN	A1	Anh: 12A1,4,9; 10A4,6		15	TTCM		18	1	18	Cân đối tiết với cô Ngọc Anh	-35
33	NGUYỄN TRẦN NGỌC ANH	A2	Anh: 11A2,7; 12A2,8		12		11A7	16	-1	16	Cân đối tiết với cô Vân	-35
34	LÊ TRẦN KIM CHI	A3 HN9	Anh: 12A,5; 10A2,9 + HN 11A3,6		13		12A5	17		17		-35
35	HOÀNG THỊ KHÁNH HUYỀN	A4	Anh: 11A1,4,8,9		12		11A9	16	-1	16	Cân đối tiết với cô Nhi	-35
36	NGUYỄN THỊ VY NGÂN	A5	Anh: 12A3,6,7; 10A8		12		10A8	16	-1	16	Cân đối tiết phụ đạo theo quy định	-35
37	ĐOÀN NGUYỄN TÚ NHI	A6 HN5	Anh: 10A1,3,5,7+HN 11A2,8,9		18			18	1	18	Cân đối tiết với cô Huyền	35
38	PHÍ ĐÌNH PHÚC	A7 HN8	Anh 11A3,5,6+HN 11A1,4,5,7		17			17		17		0

TỔ CHUYÊN MÔN: NGỮ VĂN

38	NGÔ THỊ NGÀ	V1 ĐP6	Văn: 11A1,12A4,8 (72_68 tiết) GDĐP: 10A1,2,3,4,5,6,7,8,9 CD 3_8 tiết x 9 lớp =72 tiết. Dạy từ tuần 1 đến hết tuần 8	12A8	10	TTCM		17	0	17	GDĐP_K11_CD 3 8 tiết (7 tiết học, 1 ktra cuối kỳ II) x 9 lớp = 63 tiết. Dạy từ tuần 28 đến 35.	-5
39	PHẠM THỊ NHÃ	V2	Văn: 11A3,7; 12A3,7	11A7; 12A7	14		12A7	18	1	35	Cân đối tiết thiếu trong tổ	35
40	NGUYỄN THỊ DIỄM	V3	Văn: 10A2,4; 12A1,6	12A6	13		12A6	17	0	0		0
41	LÊ THỊ BÍCH LAN	V4	Văn: 12A5,9	thỉnh giảng	6			6		0		0
42	LÊ THỊ THƯƠNG	V5 HN10	Văn: 10A7; 11A4; HN: 12A1,2,3	10a7	13		10A7	17	0	0		0
43	ĐA LEN	V6 HN6	Văn: 12A2, 11A5,6; HN: 12A4,5,6	11A5,6	17			17	0	0		0
44	LÊ THỊ THU THỦY	V7 HN7	Văn: 11A2,8,9; HN 12A7,8,9	11A8,9	17			17	0	0		0

TT	HỌ VÀ TÊN GIÁO VIÊN	KÝ HIỆU	PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY	CHỦ ĐỀ	TỔNG SỐ TIẾT DẠY	KIỂM NHIỆM	CHỦ NHIỆM	SỐ TIẾT HKI		Dự kiến HKII		Tổng số tiết Dư thiếu cả năm
								Tổng	Dư, thiếu/tuần	Tổng	Thêm/giảm	
45	VŨ PHƯƠNG UYÊN	V8 ĐP8	Văn: 10A1;5,8; (36_34 tiết) GDDP: 12_CD2_8 tiết (7 tiết học, 1 tiết ktra giữa kỳ I) x 9 lớp = 72 tiết. Dạy từ tuần 1 đến hết tuần 8.	10A5,8	11		10A1	17			Cân đối tiết với cô Ngà	2
46	ĐẶNG THỊ NGỌC HUYỀN	V9 ĐP9	Văn: 10A3,6,9; GDDP (36_34tiết) GDDP: 11_CD1_7 tiết (6tiết học, 1 tiết ktra giữa kỳ I) x 9 lớp = 63. Học từ tuần 1 đến hết tuần 7.	10A6,9	17		10A6	17	0,166	16.5	Cân đối tiết với cô Nhã	-7
TỔ CHUYÊN MÔN: SỬ - ĐỊA - KT&PL												
47	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	KT1	KT&PL: 12A5,7,8 11A6,7; 10A6,7,		14	TTCM		17	0	0		0
48	ĐOÀN VĂN PHÂN	KT2	KT&PL: 12A6,9		4	PHT		17	0	0		0
49	PHẠM VĂN ĐÔNG	KT3	KT&PL: 11A5,8,9; 10A5,8,9;		12		11A8	16	-1	16	Cân đối một số nhiệm vụ khác theo quy định	-35
50	THÁI THỊ HUYỀN	S1	Sử: 12A1,3,4,5,9; 10A7,9	12A9; 10A9	15		12A4	19	2		Cân đối các tiết ở HKII	
51	NGÔ THỊ HỒNG NHUNG	S2	Sử: 12A2,6,7,8; 11A1,7,8,9; 10A1,8	12A7,8; 11A7,8,9;10A8	20		12A8	24	7		Cân đối các tiết ở HKII	
52	LẠI THỊ HƯỜNG	S3	Sử: 10A2,3,4,5,6;	thình giảng	5			5		0		
53	ĐINH THỊ HIỀN	S4	Sử: 11A4,5, 11A2,3,4,5,6	thình giảng	5			5		0		
54	BƠ NÀH RIA NAI BÍU	Đ1	Địa: 12A5,6; 11A5,8,9; 10A6,7,9	12A5,6; 11A5; 10A6	20			20	3	105		105
55	HUỶNH PHƯƠNG TÀI	Đ2	Địa: 12A7,8,9; 11A6,7; 10A5,8	11A6; 10A5	16		12A9	20	3	105		105

Học cụm chuyên đề _HKI

K12: 12a1=>12a4 Toán, Lý, Hóa; 12a5,6 Toán, Văn, Địa; 12a6,7,8,9 Toán, Văn, Sử.

K11: 11a1=>11a4 Toán, Lý, Hóa; 11a5,6 Văn, Toán, Địa;

11a7=>11a9 Toán, Văn, Sử;

K10: 10a1=>10a4 Toán, Lý, Hóa; 10a5,6 Văn, Toán, Địa;

10a7=>10a9 Toán, Văn, Sử;

K10, K11: học Công nghệ Trồng trọt;

K12: học Công nghệ Công nghiệp;

GDTC:

10A1,2,3,4 học Cầu lông; 11A5,6,7,8,9 học bóng đá;

11A1,2,3,4 học Cầu lông; 11A5,6,7,8,9 học bóng đá;

12A1,2,3,4 học Cầu lông; 12A5,6,7,8,9 học bóng đá;

** Lịch sử HKI: 12 - 2 tiết/tuần; 10+11 - 1 tiết/tuần.

Tà Hine, ngày 03 tháng 9 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Phấn